Số: 512/TTr-UBND; 24/10/2026; 06:48:39; +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027 – 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15*;*

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027 – 2031; Báo cáo thẩm tra của Ban... Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027 - 2031.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027 - 2031.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031.

2. Công chức, viên chức được hưởng chính sách thu hút đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 mà chưa hưởng hết các chính sách hỗ trợ theo quy định thì tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

***Nơi nhận*:**
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo, Phát thanh và truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2027 – 2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội), cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị)*. Không bao gồm các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Việc thu hút, hỗ trợ đối với nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải tuân thủ, chấp hành đầy đủ chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, thẩm quyền; không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi trong việc thực hiện chính sách; phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong việc thu hút người có tài năng, nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

2. Việc thu hút nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và nhu cầu tuyển dụng.

3. Trường hợp một vị trí việc làm có nhiều người đăng ký dự tuyển đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nhau thì việc xem xét, lựa chọn được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: người có trình độ đào tạo cao hơn; người có kết quả học tập cao hơn (ưu tiên lần lượt kết quả học tập sau đại học, kết quả học tập đại học, điểm đầu vào đại học, điểm xét tuyển); người là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; người thuộc đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; người có

quá trình công tác, cống hiến được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận.

4. Trường hợp cá nhân thuộc diện được hưởng nhiều chính sách thu hút, hỗ trợ tại các Nghị quyết khác nhau của tỉnh (nếu có) thì chỉ được hưởng một chính sách do cá nhân lựa chọn.

5. Trong thời gian Quy định này có hiệu lực, cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Quảng Ngãi xin chuyển ra ngoài tỉnh và sau đó xin trở lại tỉnh làm việc thì không được hưởng chính sách này.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Chương II
CHÍNH SÁCH THU HÚT

Điều 3. Đối tượng, đơn vị thu hút

1. Đối tượng thu hút

Người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực công nghệ thông tin (gồm các ngành đào tạo công nghệ thông tin theo quy định của cơ quan có thẩm quyền); lĩnh vực khoa học và công nghệ (gồm các ngành/chuyên ngành: Vật lý kỹ thuật, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Kỹ thuật hạt nhân, Điện hạt nhân, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ hóa học, Hóa phân tích, Công nghệ môi trường, Kỹ thuật đo lường, Kỹ thuật vật liệu), gồm:

a) Người có bằng Tiến sĩ, tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học;

b) Người có bằng Thạc sĩ, tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học;

c) Người tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại xuất sắc;

d) Người tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại giỏi;

đ) Người tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại khá;

2. Cơ quan, đơn vị thu hút về lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo:

a) Đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này thu hút vào làm việc tại các cơ quan cấp tỉnh gồm: Cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc tỉnh (gồm các tổ chức chính trị - xã hội), sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này thu hút vào làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

3. Cơ quan, đơn vị thu hút về lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

a) Đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này thu hút vào làm việc tại các cơ quan cấp tỉnh gồm: Cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Mặt trận

Tổ quốc tỉnh (gồm các tổ chức chính trị - xã hội), sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này thu hút vào làm việc tại các cơ quan cấp xã gồm: Cơ quan Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Điều 4. Mức hỗ trợ thu hút

Đối tượng thu hút nêu tại Điều 3 Nghị quyết này được hưởng các chính sách hỗ trợ một lần, hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

1. Mức hỗ trợ một lần:

a) Đối tượng thu hút nêu tại điểm a khoản 1 Điều 3: 700.000.000 đồng;

b) Đối tượng thu hút nêu tại điểm b khoản 1 Điều 3: 500.000.000 đồng;

c) Đối tượng thu hút nêu tại điểm c khoản 1 Điều 3: 400.000.000 đồng;

d) Đối tượng thu hút nêu tại điểm d khoản 1 Điều 3: 300.000.000 đồng;

đ) Đối tượng thu hút nêu tại điểm đ khoản 1 Điều 3: 200.000.000 đồng;

2. Mức hỗ trợ hàng tháng:

a) Hỗ trợ thêm 01 lần mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) trong thời hạn 05 năm (60 tháng) kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận;

b) Mức hỗ trợ hàng tháng quy định tại điểm a khoản này được trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

3. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở, trong thời hạn 05 năm (60 tháng) kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận:

a) Đối tượng thu hút làm việc tại cơ quan, đơn vị có trụ sở thuộc địa bàn phường, đặc khu: 4.000.000 đồng/người/tháng;

b) Đối tượng thu hút làm việc tại cơ quan, đơn vị có trụ sở thuộc địa bàn xã: 3.000.000 đồng/người/tháng;

c) Người được hỗ trợ thuê nhà ở phải đáp ứng các điều kiện sau: Không được bố trí nhà ở công vụ và nơi ở cách trụ sở làm việc trên 15 km đối với địa bàn biên giới, miền núi, hải đảo được cấp có thẩm quyền công nhận, trên 30 km đối với các địa bàn còn lại.

Điều 5. Chính sách ưu tiên

Đối tượng thu hút về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ tại Điều 4 Nghị quyết này, trong quá trình công tác được các cơ quan, đơn vị quan tâm, tạo điều kiện:

1. Được ưu tiên xem xét quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

2. Được ưu tiên xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 6. Điều kiện hưởng chính sách thu hút

1. Là công dân Việt Nam, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ sức khỏe. Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, thi hành kỷ luật hoặc không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Có trình độ chuyên môn thuộc các ngành, lĩnh vực thu hút theo vị trí việc làm quy định tại Điều 3 Nghị quyết này. Văn bằng tốt nghiệp của các trường hợp được đào tạo tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, trừ trường hợp được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

4. Đối với người được thu hút bằng hình thức tiếp nhận không quá 50 tuổi; đối với người được thu hút bằng hình thức tuyển dụng không quá 35 tuổi.

5. Có cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút trong thời hạn 07 năm tại vị trí việc làm được thu hút, kể từ ngày có Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận.

6. Công chức, viên chức đang công tác ở ngoài tỉnh hoặc cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được thu hút về tỉnh có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 3 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ tiếp nhận.

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công của cơ quan có thẩm quyền, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thời gian công tác tối thiểu 07 năm theo vị trí việc làm được thu hút.

2. Các trường hợp phải bồi hoàn 100% kinh phí hỗ trợ 01 (một) lần:

a) Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được thu hút và hưởng hỗ trợ chính sách của tỉnh;

b) Trong thời gian thực hiện cam kết bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bỏ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc khi có thời gian công tác dưới 03 (ba) năm kể từ ngày thu hút.

3. Các trường hợp bồi hoàn một phần kinh phí hỗ trợ 01 (một) lần trong thời gian thực hiện cam kết:

a) Bỏ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc khi có thời gian công tác từ đủ 03 (ba) năm đến dưới 05 (năm) năm phải bồi hoàn 70% kinh phí được hỗ trợ;

b) Bỏ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc khi có thời gian công tác từ đủ 05 (năm) năm trở lên phải bồi hoàn 50% kinh phí được hỗ trợ;

c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức bị buộc thôi việc hoặc trong trường hợp cuối năm bị đánh giá, xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ phải bồi hoàn 20% kinh phí được hỗ trợ trên 01 (một) lần bị kỷ luật hoặc xếp loại.

4. Thời gian hoàn trả chậm nhất là 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định yêu cầu bồi hoàn kinh phí của cơ quan có thẩm quyền. Nếu hoàn trả không đầy đủ theo quy định thì bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách thu hút theo Nghị quyết này được thực hiện như sau:

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh (bao gồm: đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 3 - tự bảo đảm một phần chi thường xuyên đối với biên chế được ngân sách nhà nước trả lương; đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 4 - nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 1 (tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư); đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 2 (tự bảo đảm chi thường xuyên); đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 3 (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên đối với biên chế trả lương từ nguồn thu sự nghiệp) bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật./.